

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS- PT

Ngày 25/10/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính.

2. Ông Lương Đức Năm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký, Tòa án nhân dân TỈNH BN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TỈNH BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/TLPT- DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 08/2019/DSST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2019/QĐ- PT ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 14, ngõ 209, ĐC, phường NH, quận BĐ, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.
Có mặt.

Địa chỉ: Thôn LK, xã VĐ, huyện TD, TỈNH BN.

- Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Khu BS, phường VC, thành phố BN, TỈNH BN.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 17, cụm 2, phường NT, quận TH, thành phố HN.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 38, cụm 5, phường NT, quận TH, thành phố HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Luật sư, Công ty Luật TNHH Tuệ Tâm Việt – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Địa chỉ: Số 157 phố TC, phường CN I, quận BTL, thành phố HN.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Khắc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là Bà Mai Thị L và đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 07/9/2015 bà L có cho vợ chồng Anh Nguyễn Khắc H và Chị Nguyễn Thị H vay số tiền 2.400.000.000đ để kinh doanh. Khi cho vay bà L giao tiền trực tiếp cho chị H tại nhà của vợ chồng chị H, anh H tại Khu BS, phường VC, thành phố BN, TỈNH BN. Chị H viết giấy vay tiền với số tiền vay là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và có hẹn thứ năm (tức 10/9/2015) trả bớt 500.000.000đ. Chị H còn cam kết sau một tháng sẽ thế chấp tài sản là nhà đất của vợ chồng ở số 01, Cầu Đông, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội để đảm bảo việc thanh toán vay nợ. Khi vay tiền giữa bà L và chị H có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất nhưng chỉ nói miệng không ghi vào giấy vay. Giữa hai bên không thỏa thuận về thời điểm thanh toán nợ. Đến ngày 07/11/2015, bà L có đến nhà anh H, chị H ở Bồ Sơn, phường Võ Cường để đòi nợ. Do chưa có tiền thanh toán nên anh H, chị H có cam kết sẽ trả nợ dần mỗi tháng 70.000.000đ. Chị H viết trực tiếp nội dung cam kết vào mặt sau giấy vay tiền, anh H cũng ký vào cam kết. Nhưng sau đó, anh H, chị H không thanh toán số tiền vay cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện, yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 2.400.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/9/2015 đến nay.

Bị đơn là Anh Nguyễn Khắc H trình bày: Anh và bà L không quen biết nhau. Việc chị H vợ anh vay tiền của bà L như nào anh không biết. Chỉ đến khi bà L đến nhà vợ chồng anh đòi nợ anh mới biết. Thời điểm bà L đòi nợ vợ anh thì vợ anh đã lâm vào tình trạng vỡ nợ. Do vậy, chị H đã viết sẵn vào mặt sau giấy vay tiền “Vợ chồng cháu Hà Huân hứa sẽ trả cô Lan Bích. Mỗi tháng vợ chồng cháu sẽ trả cô (70 triệu) Bảy mươi triệu đồng chẵn vào ngày 07/12”. Chị H đã ký phía

dưới nội dung trên và đưa cho anh cùng ký. Anh đã ký ngay dưới chữ ký của chị H nhưng theo anh anh chỉ ký với tư cách người chứng kiến chứ không phải người vay tiền của bà L. Anh và chị H không chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị H vẫn sinh sống và làm ăn ở Hà Nội. Anh đã cung cấp cho Tòa án địa chỉ của chị H. Anh không vay tiền của bà L nên anh không là bị đơn trong vụ án được. Chị H là người vay tiền của bà L và chị H đang cư trú tại tổ 38, cụm 5, phường NT, quận TH, thành phố HN nên thẩm quyền giải quyết vụ án này phải của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 48; khoản 3 Điều 68; khoản 2 Điều 71; Điều 220; Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 469; Điều 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Buộc Anh Nguyễn Khắc H và Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Bà Mai Thị L số tiền 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2019, Anh Nguyễn Khắc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Khắc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H cho rằng:

+ Thứ nhất, chị Lan không có căn cứ chứng minh quyền khởi kiện với anh H, anh H không phải là bị đơn của vụ án. Anh H chỉ là người chứng kiến, nếu không thì là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

+ Thứ hai, chị H chưa được tổng đạt giấy triệu tập, không có tài liệu niêm yết đối với chị H tại UBND phường Nhật Tân. Chị H có hộ khẩu thường trú ở phường NT, quận TH, thành phố HN nên Tòa án nhân dân thành phố BN xét xử là trái thẩm quyền. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố BN có vi phạm về thủ tục tố tụng nên đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với anh H vì không chứng minh được quyền khởi kiện đối với anh H và trả hồ sơ về nơi có thẩm quyền là Tòa án nhân dân quận Tây Hồ giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2018/DSST ngày 26/9/2018 của TAND thành phố BN.

- Anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

- Về thủ tục tố tụng: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố BN xử ngày 04/7/2019, ngày 16/7/2019, anh H kháng cáo toàn bộ bản án. Việc kháng cáo của anh H là đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần xem xét kháng cáo của anh H.

- Về nội dung: Ngày 07/9/2015, bà L có cho vợ chồng anh H, chị H vay số tiền 2.400.000.000đ. Khi vay, giữa bà L và chị H có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền này giữa bà L và chị H không thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Sau đó, bà L có đến đòi vợ chồng chị H, anh H số tiền chị H, anh H đã vay của bà L nhưng do khi đó chị Lan không có tiền trả nên chị Lan đã viết vào mặt sau giấy vay tiền với nội dung sẽ trả dần cho bà L tiền, mỗi tháng sẽ trả 70.000.000đ. Nội dung này chị H tự tay viết và cả anh H, chị H cũng ký. Điều này có thể khẳng định anh H có biết việc vay nợ của chị H và cùng ký vào đó. Như vậy, giữa bà L và anh H, chị H có quan hệ vay tài sản là tiền. Do đó, việc bà L khởi kiện anh H, chị H yêu cầu phải trả bà số tiền 2.400.000.000đ là có căn cứ. Tại giấy vay các bên không thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận về lãi suất nhưng không có căn cứ để chứng minh, trong quá

trình giải quyết phía nguyên đơn đã rút yêu cầu lãi suất vì vậy không xem xét giải quyết.

Xét kháng cáo của anh H thì thấy:

- Thứ nhất: Anh H kháng cáo cho rằng anh không phải là bị đơn trong vụ án. Anh không vay nợ gì bà L, bà L không có căn cứ chứng minh quyền khởi kiện đối với anh, anh có ký vào giấy vay tiền nhưng chỉ là ký với tư cách người chứng kiến. Xem xét về giấy vay tiền do chị H xác lập với bà L thấy rằng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị H. Trong giấy vay tiền ghi rõ mục đích của khoản vay là phục vụ cho việc kinh doanh. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H trình bày có biết việc kinh doanh của chị H. Mặc dù anh H cho rằng anh không biết việc chị H vay tiền của bà L, mục đích làm ăn kinh tế riêng nhưng sau khi bà L đến yêu cầu chị H trả tiền tại gia đình anh H ở khu phố Bồ Sơn, phường Võ Cường thì anh H biết và cùng cam kết trả mỗi tháng 70.000.000đ cho bà L vào mặt sau giấy vay tiền.

Anh H cũng cho rằng khi viết giấy vay tiền bà L chị H chỉ ghi là vay 2.400.000.000đ không có loại tiền gì nên không có căn cứ pháp lý để xác định là tiền Việt Nam đồng. Tuy nhiên, trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam đối với các giao dịch thông thường thì sẽ là đồng Việt Nam. Cá nhân không có giấy phép kinh doanh các loại tiền khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ không được giao dịch đối với các loại tiền khác ngoài tiền Việt Nam đồng. Bà L khi cho vay chỉ là cá nhân cho cá nhân vay. Vì vậy, bà L không thể cho chị H vay bất cứ một loại tiền nào khác tiền Việt Nam đồng. Anh H cho rằng chị H chỉ ghi vay bà L Bích chứ hoàn toàn không có vay Bà Mai Thị L. Do vậy, Bà Mai Thị L khởi kiện anh là không có căn cứ. Tuy vậy, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn đã cung cấp giấy đăng ký kết hôn giữa bà L và chồng là ông Bích đồng thời bà L cũng đã đến nhà anh H để đòi tiền. Do vậy, không có căn cứ nào để chứng minh cho việc ký nhận của anh H chỉ là ký là người chứng kiến được. Từ những căn cứ, phân tích nêu trên có thể xác định anh H là đồng bị đơn với chị H trong việc vay nợ với bà L. Tòa án thành phố BN đã xác định tư cách tham gia tố tụng của anh H là bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thứ hai: Bà L khởi kiện đến Tòa án thành phố BN thụ lý, giải quyết do tại thời điểm khởi kiện tháng 10/2018, anh H cư trú ở Bồ Sơn, phường Võ Cường còn chị H cư trú tại tổ 17, cụm 2 phường Nhật Tân. Ngày 30/11/2018, Tòa án thành phố BN đã có quyết định chuyển vụ án cho TAND quận Tây Hồ giải quyết do chị H có

địa chỉ tại quận Tây Hồ. Tuy nhiên, ngày 25/12/2018, TAND quận Tây Hồ có phiếu chuyển hồ sơ vụ án số 07 với lý do: Không có căn cứ xác định bị đơn là chị H cư trú ở tổ 17 cụm 2 phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội. Trong hồ sơ thể hiện tại biên bản xác minh ngày 14/11/2018 công an phường Nhật Tân xác nhận: Chị H có đăng ký thường trú tại tổ 17 cụm 2 Nhật Tân nhưng hiện không sinh sống tại địa chỉ trên; Tại biên bản làm việc ngày 03/5/2019 với ông Nguyễn Thế Hoàng – Công an khu vực xác nhận: Chị H có đăng ký hộ khẩu tại tổ 17 cụm 2 nhưng tháng 11/2018 chị H chuyển đến cư trú tại tổ 38 cụm 5 phường Nhật Tân. Từ tháng 02/2019, chị H không còn cư trú tại đó. Mặt khác, TAND thành phố BN cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Toàn (bố đẻ của anh H) xác nhận vợ chồng anh H chị H được vợ chồng ông cho mảnh đất bên cạnh để thờ cúng tổ tiên nhưng gần đây do vợ chồng nợ nần nhiều người đòi nên anh H chị H không có mặt tại gia đình và địa phương. Tại biên bản làm việc ngày 02/8/2018 với ông Nguyễn Văn Luật – Trưởng khu Bò Sơn, phường Võ Cường xác nhận: Anh H chị H có nhà đất tại cụm 2 Khu BS, phường VC. Anh chị làm ăn buôn bán ở nhiều nơi nhưng chủ yếu sinh sống ở Bò Sơn, phường Võ Cường do đất cha ông để lại. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh H xác nhận bà L có đến nhà anh tại Bò Sơn, phường Võ Cường ngày 7/11/2015 và anh H, chị H cam kết về việc trả tiền cho bà L tại Bò Sơn, phường Võ Cường.

Như vậy, có thể xác định nơi cư trú thường xuyên của anh H, chị H là ở Bò Sơn, phường Võ Cường và việc thực hiện một phần hợp đồng vay tài sản diễn ra tại Bò Sơn, phường Võ Cường. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố BN xác định nơi cư trú cuối cùng của chị H là phường Nhật Tân (do chị H thường xuyên thay đổi địa điểm nơi cư trú) nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại UBND phường Nhật Tân, trụ sở TAND thành phố BN, phường Võ Cường là phù hợp với quy định pháp luật. Hơn nữa, căn cứ điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì bà L có thể yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố BN hoặc Tòa án nhân dân quận Tây Hồ giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố BN thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với yêu cầu giám định chữ viết bị tẩy xóa trong giấy vay tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định trưng cầu giám định do việc tẩy xóa không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và không được xem xét là chứng cứ giải quyết. Việc giấy vay không ghi rõ số tiền vay là Việt Nam đồng hay ngoại tệ nhưng chị H đã

viết chữ ghi “hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn”. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố BN bác những nội dung trên là có căn cứ.

Anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên kháng cáo của anh không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định, phân tích trên có thể thấy anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên kháng cáo của anh H là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần bác toàn bộ kháng cáo của Anh Nguyễn Khắc H, đồng thời, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm xử.

Anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm g,h khoản 1 Điều 40; Điều 48; khoản 3 Điều 68; khoản 2 Điều 71; Điều 220; Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 469; Điều 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Buộc Anh Nguyễn Khắc H và Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Bà Mai Thị L số tiền 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Mai Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Bà Mai Thị L 40.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0004869 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Anh H, chị H phải chịu 80.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001982 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TỈNH BN;
- TAND TP BN;
- Chi cục THADS TP BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình